

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2020/HS-ST
Ngày: 31 - 8 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hữu - Giáo viên trường tiểu học Tân Đồng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bà Nông Thị Phương Anh - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng N, sinh năm 1989 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 01, thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt N. Con ông Trần Văn K, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không,

Tiền sự 01: Ngày 22/01/2020, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2020 cho đến nay, “bị cáo có mặt”.

2. Tạ Văn S, sinh ngày 16/02/2003 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con

ông Tạ Văn S, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không,

Về nhân thân: Ngày 30/11/2017, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản số 02/QĐ-XPVPHC với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo được tại ngoại, “bị cáo có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Văn S:

Ông Tạ Văn S, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1983; cùng trú tại tổ 3, thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (Cha mẹ ruột của bị cáo) “Ông S vắng mặt, bà L có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Tạ Văn S:

Bà Hoàng Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người bị hại:

Bà Hồ Thị L, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin xét xử vắng mặt”

Người làm chứng:

Anh Đặng Quốc A, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 8, thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Vũ M sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09/5/2020 Trần Hoàng N rủ Tạ Văn S, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày N điều khiển xe mô tô biển số 93H4 – 2919 chở S đến thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chơi. Khi đến thành phố Đ, N và S vào một quán nước tại ấp 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để uống nước. Đến 00 giờ ngày 10/5/2020 N chở S đi qua nhà bà Hồ Thị L, sinh năm 1967, trú tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì thấy có 01 cây mai cảnh còn sống cao khoảng 240cm, hoành gốc 23cm. Lúc này N kêu S tới nhổ cây mai ra khỏi chậu rồi N điều khiển xe chở S ôm cây mai chạy đi tìm chỗ cất giấu. Lúc này có anh Đặng Quốc A và anh Nguyễn Vũ M đi ngang qua phát hiện S ôm cây mai từ cửa nhà bà L đi ra nên anh Đặng Quốc A chạy đuổi theo. Khi tới ngã ba giao nhau giữa đường T với đường Hồ Xuân H thuộc phường T, thành

phố Đ, tỉnh Bình Phước thì N chạy xe lên lề đường để S cất giấu cây mai. Lúc này anh Đặng Quốc A, anh Nguyễn Vũ M chạy tới bắt giữ giao cho Công an phường T, thành phố Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/2020/KLĐG ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình S kết luận: 01 cây mai cảnh (cây mai thê) cao 240cm, hoành gốc 23cm cây vẫn sống bình thường trị giá là 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 cây mai cảnh (cây mai thê) cao 240cm, hoành gốc 23cm, cây có lá tươi xanh còn sống bình thường; 01 xe mô tô BS: 93H4 – 2919; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model:RM-1190; 01 điện thoại di động hiệu IteL 2171.

Ngày 14/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Hồ Thị L 01 cây mai cảnh.

Tại Bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 21/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng N và Tạ Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoàng N mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình S, xử phạt bị cáo Tạ Văn S mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân S: Do người bị hại bà Hồ Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model: RM-1190; 01 điện thoại di động hiệu IteL 2171 do không còn giá trị sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 93H4 – 2919 mà bị cáo N sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ cần tiếp tục xác minh chủ sở hữu để có căn cứ xử lý theo quy định.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên; bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn đã thu hồi trả cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo N và S tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 21/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên chiều ngày 09/5/2020 Trần Hoàng N rủ Tạ Văn S, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 đi trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 10/5/2020, lợi dụng việc bà Hồ Thị L sơ hở trong việc quản lý tài sản nên S tới nhổ 01 cây mai cảnh (thế) ra khỏi chậu rồi N điều khiển xe chở S ôm cây mai chạy đi tìm chỗ cất giấu. Khi tới ngã ba giao nhau giữa đường Trường Chinh với đường Hồ Xuân H, thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì anh Đặng Quốc A, anh Nguyễn Vũ M chạy tới bắt giữ giao cho Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/2020/KLĐG ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 cây mai cảnh (cây mai thế) cao 240cm, hoành gốc 23cm cây vẫn sống bình thường trị giá là 2.500.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 2.500.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và tình hình an ninh chính trị tại địa phương, khi thực hiện hành vi

phạm tội các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lấy trộm tài sản là hành vi sai trái và bị pháp luật nghiêm trị nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nên cần thiết phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Trần Hoàng N: Bị cáo là người nảy sinh ý định lấy trộm tài sản và là người thực hành tích cực trong việc lấy trộm tài sản, ngoài việc rủ rê bị còn trực tiếp cảnh giới và chở bị cáo S thực hành việc lấy trộm tài sản. Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 22/01/2020, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Tạ Văn S: Khi được bị cáo Trần Hoàng N rủ trộm cắp tài sản bị cáo đã thực hành tích cực khi trực tiếp nhổ trộm cây mai. Về nhân thân: Ngày 30/11/2017, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản số 02/QĐ-XPVPHC với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Các bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn đã thu hồi trả cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, bị cáo S khi phạm tội chưa thành niên, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn còn con nhỏ. Do đó bị cáo N được xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình S, đối với bị cáo S khi phạm tội là người chưa thành niên nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật Hình S.

Xét thấy bị cáo S không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, mặc dù bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính tuy nhiên đã được xóa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình ự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại bà Hồ Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model:RM-1190; 01 điện thoại di động hiệu ITEL 2171 do không còn giá trị sử dụng.

Đối với xe mô tô biển số 93H4 – 2919 là xe mà bị cáo N sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra, xác minh chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ cần tiếp tục xác minh để có căn cứ xử lý theo quy định.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ và người bào chữa cho bị cáo S tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng N, bị cáo Tạ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình S 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng N 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật hình S 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn S 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại đi động hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại đi động hiệu Itel 2171 đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001818, quyển số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tiếp tục điều tra xác minh chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô biển số 93H4 – 2919 để có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo N và S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An